



# BẢN TIN THƯƠNG VỤ

**BẢN TIN SỐ 25 – NĂM 2024**

**THƯƠNG VỤ VIỆT NAM  
TẠI NIU DI-LÂN**

## TRONG SÔ NÀY

Tin tức

Chính sách và quy định kinh doanh

### BAN BIÊN TẬP

1. Trần Diệu Oanh

Tham tán Thương mại

2. Đỗ Hữu Tùng

Bí thư thứ nhất



lại ở mức thấp kỷ lục.

Tình hình lạm phát có xu hướng giảm nhưng chỉ số giá tiêu dùng lại tăng cao. Đặc biệt, các chi phí liên quan đến nhà ở như tiền thuê nhà và giá dịch vụ đã tăng nhanh hơn lạm phát.

Theo số liệu mới nhất, có 3 trụ cột chính trong nền kinh tế Niu Di-lân, cụ thể: về cơ cấu các ngành dịch vụ chiếm 73%, Các ngành cơ bản chiếm 7% và sản xuất hàng hóa chiếm 20%. Riêng trong quý tháng 3/2024, các ngành cơ bản tăng trưởng 0,2%, sản xuất hàng hóa giảm 1,3% và dịch vụ giảm 0,1%.

*Làn sóng sa thải tại khu vực công* – Tính đến ngày 14 tháng 6 năm 2024, hơn 6.100 người lao động, nhân viên tại khu vực công đã mất việc làm trong làn sóng cắt giảm lao động tại khu vực công diễn ra trong suốt quý II/2024 của Chính phủ Niu Di-lân và có xu hướng tiếp tục tăng. Đảng Quốc gia (National) đã vận động cắt giảm chi tiêu thường xuyên,

## TIN TỨC

### TÌNH HÌNH KINH TẾ NIU DI-LÂN

#### Tình hình kinh tế - xã hội

Theo công bố mới nhất trong tháng 6 năm 2024 của Chính phủ, GDP của Niu Di-lân tăng trưởng 0,2%, chỉ số giá tiêu dùng CPI tăng 4,0%, lãi suất cơ bản (OCR) tăng 5,5%, tỷ lệ thất nghiệp tăng 4,3%. Viện Nghiên cứu Kinh tế Niu Di-lân (NZIER) nhận định các hộ gia đình và doanh nghiệp đang cảm thấy thận trọng hơn trước lãi suất cho vay ở mức cao và sự không chắc chắn đối với các ưu tiên của Chính phủ liên quan đến chi tiêu công và sự cắt giảm lớn nhân sự tại khu vực dịch vụ công, điều này làm giảm bớt sự phục hồi của nền kinh tế Niu Di-lân sau khi Chính phủ mới đi vào hoạt động từ cuối năm 2023. Nhu cầu tiêu dùng trong dân chúng giảm, nguồn cung ứng vốn cho hoạt động kinh doanh cũng giảm là mối lo ngại của các doanh nghiệp kể từ sau khi Chính phủ mới đi vào hoạt động... Trong 6 tháng đầu năm 2024, kinh tế Niu Di-lân thời gian qua có một số điểm chính sau:

*Về tăng trưởng* - Mặc dù dân số tăng mạnh do lượng lớn người di cư từ nước ngoài, Niu Di-lân dự báo mức tăng trưởng kinh tế vẫn sẽ ở mức thấp, khoảng 1% năm nay. Dựa trên thu nhập bình quân đầu người, các hoạt động kinh tế đang suy giảm khi các hộ gia đình và doanh nghiệp giảm chi tiêu và đầu tư trước những khó khăn. Đặc biệt, nhiều hộ gia đình đã cắt giảm chi tiêu khi phải đối mặt với các khoản hoàn trả thế chấp cao hơn, trong khi đó lãi suất thế chấp có thời hạn cố định

tiết kiệm 6,5%-7,5% trong các cơ quan để đạt được mục tiêu tiết kiệm cơ bản trung bình 1,5 tỷ NZD mỗi năm. Việc cắt giảm nhân sự sẽ diễn ra tại tất cả các Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các cơ quan thuộc khu vực công khác.

*Thâm hụt cán cân thương mại giảm trong quý I/2024* – Cục Thống kê Niu Di-lân mới công bố, cán cân thương mại của Niu Di-lân thâm hụt 1,4 tỷ NZD trong quý I năm 2024, thu hẹp từ mức thâm hụt 2,6 tỷ NZD so quý I năm 2023. Nguyên nhân là do nhập khẩu giảm trong khi xuất khẩu tăng mạnh. Đặc biệt, xuất khẩu du lịch (bao gồm tiêu dùng và dịch vụ của khách du lịch tại Niu Di-lân) chỉ tăng khiêm tốn và chưa trở lại mức lịch sử trong quý I/2024. Điều này tạo ra sự tương phản với hoạt động xuất khẩu mặt hàng chính là sữa bột, bơ và pho mát vẫn ổn định trong giai đoạn này. Chỉ số thâm hụt thương mại giảm có vai trò rất lớn của ngành dịch vụ bù đắp cho thâm hụt thương mại hàng hóa của Niu Di-lân trong nhiều năm trở lại đây, phù hợp với chính sách phát triển kinh tế xanh và bền vững không ảnh hưởng đến tài nguyên, môi trường, khí hậu.

*Chỉ số giá tiêu dùng CPI* – Theo số liệu mới nhất của Cục Thống kê Niu Di-lân, trong quý I năm 2024, CPI tăng 0,6%, cụ thể: Đồ uống có cồn và thuốc lá tăng 3,4%; đồ uống có cồn (tăng 1,0%); Dịch vụ giải trí và văn hóa tăng 2,4%; dịch vụ lưu trú (tăng 6,7%); Nhà ở tăng 0,7%, giá thuê nhà (tăng 1,2%); xây dựng (tăng 0,8%); năng lượng sử dụng trong hộ gia đình (tăng 0,4%). Mức tăng 0,6% của CPI tổng thể được bù đắp một phần bởi: Vận tải giảm 2,5%, trong đó: dịch vụ vận tải hành khách (giảm 6,3%); vật tư và dịch vụ vận tải tư nhân (giảm 1,4%); mua xe (giảm 1,5%). Nhóm thực phẩm tăng 0,5%.

*Về du lịch* - Lượng du khách nước ngoài đến Niu Di-lân là 1,25 triệu người trong 4 tháng đầu năm 2024, tăng hơn 200 nghìn người so với 4 tháng năm 2023. Những thay đổi lớn nhất là về lượng khách đến từ: Trung Quốc (tăng 10.400), Thái Lan (tăng 1.900), Đài Loan (tăng 1.100), Úc (giảm 6.600), Vương quốc Anh (giảm 1.300).

Số lượng du khách nước ngoài đến vào tháng 4 năm 2024 là 73% so với con số 307.400 trước COVID-19 vào tháng 4 năm 2019. Tỷ lệ thấp hơn một phần phản ánh thời điểm diễn ra Lễ Phục sinh vào cuối tháng 3 năm 2024 so với giữa tháng 4 năm 2019.

### **Dự báo triển vọng kinh tế**

Dự báo đồng thuận mới nhất của NZIER cho thấy mức điều chỉnh giảm đáng kể đối với tăng trưởng GDP của Niu Di-lân, hiện được dự đoán là chỉ 0,2% cho năm kết thúc vào tháng 3 năm 2024 và 0,6% cho tháng 3 năm 2025.

Tác động liên tục của lãi suất cao hơn ngày càng được cảm nhận rõ ràng trên nhiều lĩnh vực của nền kinh tế Niu Di-lân. Dự báo tăng trưởng chi tiêu hộ gia đình đã được điều chỉnh về mức gần như bằng 0% trong năm 2024 và vẫn ở mức thấp 0,5% vào năm 2025. Chi tiêu bán lẻ có xu hướng thấp hơn do nhiều hộ gia đình giảm chi tiêu trước nguy cơ phải trả nợ các khoản thế chấp cao hơn. Lãi suất cao đang khiến tăng trưởng toàn cầu chậm lại và do đó làm giảm nhu cầu đối với hàng xuất khẩu của Niu Di-lân. Tương tự, triển vọng tăng trưởng nhập khẩu cho thấy sự suy giảm, phản ánh kỳ vọng về chi tiêu nội địa yếu trong những năm tới.

## **Tình hình hội nhập kinh tế của Niu Di-lân**

- Nhân chuyến thăm của Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính trong tháng 3/2024, Chính phủ Niu Di-lân đã thông báo gói hỗ trợ 6,24 triệu NZD cho dự án “ Chuỗi giá trị trái cây phù hợp với khí hậu Việt Nam” nhằm giúp phát triển ngành chanh dây trong chuỗi giá trị xuất khẩu của Việt Nam như đối với quả thanh long trước đây.

- Chuyến thăm của Thủ tướng Trung Quốc Lý Cường tới Niu Di-lân trong tháng 6/2024 đã đạt được một số kết quả nhất định nhằm thúc đẩy thương mại nông sản và thực phẩm giữa hai quốc gia tạo môi trường kinh doanh thuận lợi, giảm bớt các rào cản thương mại, bao gồm hợp tác về sữa công thức dành cho trẻ sơ sinh và xuất khẩu quả Kiwi của Niu Di-lân. Trung Quốc là đối tác thương mại hàng đầu của Niu Di-lân trị giá thương mại hai chiều đạt 38 tỷ NZD và chiếm gần 22% kim ngạch xuất khẩu của Niu Di-lân. Ngoài ra, Bộ trưởng Thương mại hai nước đã tuyên bố chính thức đàm phán liên quan đến Thương mại dịch vụ giữa hai quốc gia nhằm giúp các doanh nghiệp xuất khẩu dịch vụ của Niu Di-lân tham gia mạnh mẽ hơn, xuất khẩu dịch vụ của Niu Di-lân năm 2023 đạt 2,33 tỷ NZD.

- Bộ trưởng Thương mại Todd McClay và Bộ trưởng Biến đổi Khí hậu Simon Watts trong ngày 6/6/2024 đã ký ba thỏa thuận Khung kinh tế Ấn Độ Dương Thái Bình Dương (IPEF) nhằm thúc đẩy đầu tư, phát triển nền kinh tế xanh và kỹ thuật số của Niu Di-lân, đồng thời tăng cường thương mại giữa Niu Di-lân và 14 đối tác IPEF. Các đối tác của IPEF đại diện cho 40% GDP toàn cầu và chiếm 50% xuất khẩu của Niu Di-lân, bao gồm các thị trường quan trọng đối với các nhà xuất khẩu của Niu Di-lân như Úc, Brunei, Fiji, Ấn Độ, Indonesia, Nhật Bản, Hàn Quốc, Malaysia, Philippines, Singapore, Thái Lan, Hoa Kỳ và Việt Nam.

- Trong tháng 5/2024, Niu Di-lân đã chính thức bắt đầu đàm phán FTA với Các Tiểu vương quốc Ả rập thống nhất. Hiệp định này được mong đợi sẽ mở ra nhiều cơ hội cho các doanh nghiệp Niu Di-lân trong hợp tác về nông nghiệp và năng lượng bền vững.

- Tranh chấp thương mại giữa Niu Di-lân và Canada trong Hiệp định CPTPP. Niu Di-lân đã khởi xướng vụ việc tranh chấp do Canada đã không tuân thủ các quy định của CPTPP, ngăn cản các nhà xuất khẩu sữa của Niu Di-lân tiếp cận thị trường Canada. Hội đồng trọng tài CPTPP đã ra phán quyết có lợi cho Niu Di-lân. Canada phải thay đổi cách quản lý hạn ngạch thuế quan - ngừng cấp quyền tiếp cận ưu tiên cho ngành nội địa của mình và cho phép các nhà xuất khẩu được hưởng lợi hoàn toàn từ việc tiếp cận thị trường được thương lượng một cách thiện chí giữa Canada và Niu Di-lân.

## **Tình hình thương mại hàng hóa giữa Niu Di-lân với thế giới 4 tháng đầu năm 2024**

Theo Cục Thống kê Niu Di-lân, trong 4 tháng đầu năm 2024, thương mại hàng hóa hai chiều của nước này đạt 50,1 tỷ NZD, tăng 7,3% so với cùng kỳ năm 2023, trong đó, xuất khẩu đạt 22,6 tỷ, tăng 0,3%, nhập khẩu đạt 27,6 tỷ NZD, tăng 13,8%).

Trong 4 tháng đầu năm 2024 các mặt hàng thực phẩm xuất khẩu chủ lực của Niu Di-lân có tăng/giảm so với cùng kỳ năm 2023, chủ yếu dựa vào xuất khẩu tới các thị trường mới tăng trưởng cao, mặt hàng bơ sữa đạt 7,14 tỷ NZD tăng 1,8%, trái cây đạt 1,05 tỷ NZD giảm 27,2%, sản phẩm thịt đạt 2,5 tỷ NZD giảm 0,1% so với cùng kỳ năm 2023.

## ***Về thị trường***

**Về xuất khẩu:** xuất khẩu của Niu Di-lân với các đối tác chính là Trung Quốc đạt 4,9 tỷ NZD giảm 3,8% so với cùng kỳ tiếp theo đó là Australia đạt 2,2 tỷ NZD tăng 1,3% và Hoa Kỳ đạt 2,4 tỷ NZD tăng 16,4%. Đặc biệt, Niu Di-lân xuất khẩu với xu hướng tăng trưởng mạnh tới các quốc gia như Singapore đạt 475 triệu NZD tăng 37,5%, Ả rập Xê-út đạt 349 triệu NZD tăng 47,9%, Malaysia là quốc gia trong khối Asean mà Niu Di-lân xuất khẩu tăng trưởng mạnh nhất với 371 triệu NZD tăng 29,2%.

**Về nhập khẩu:** nhập khẩu trong 4 tháng đầu năm tăng 12,3% so với cùng kỳ năm 2023. Các thị trường xuất khẩu hàng đầu vào Niu Di-lân bao gồm: Trung Quốc, 3,7 tỉ NZD giảm 2,3%; Australia, 2,1 tỉ, giảm 1,9%; Hoa Kỳ giảm mạnh đạt 1,4 tỉ tương đương với 30,5%. Nhập khẩu từ các nước Asean đạt 10,7 tỉ NZD, giảm 1,4%.

## ***Về mặt hàng***

4 mặt hàng nhập khẩu chính của Niu Di-lân đều giảm, cụ thể: Dầu – sản phẩm dầu đạt 2,9 tỷ NZD giảm 1%; Phương tiện và phụ kiện đạt 2,2 tỷ NZD giảm 15,2%; Máy móc thiết bị đạt 2,4 tỷ NZD giảm 12,1%; Thiết bị điện đạt 1,7 tỷ NZD giảm 6,2%. Phần lớn các mặt hàng nhập khẩu truyền thống của Niu Di-lân đều giảm, điều này phản ánh thực trạng kinh tế, thắt chặt trong tiêu dùng của người dân trong thời gian qua.

## **Dự báo tình hình nhập khẩu năm 2024**

Theo dự báo của Viện Nghiên cứu Kinh tế Niu Di-lân (NZIER), nhu cầu nhập khẩu sẽ tăng trong quý II và III của năm 2024 và có xu hướng giảm trong 3 tháng cuối năm. Xu hướng nhập khẩu tập trung vào các mặt hàng liên quan đến ngành xây dựng dự báo sẽ tăng do thay đổi trong chính sách về đầu tư dự án nhà ở mới với mục đích cho thuê (Built to rent – BTR) tạo thuận lợi dành cho các nhà đầu tư nước ngoài.

## **Thương mại Việt Nam - Niu Di-lân**

Theo số liệu của Cục Thống kê Niu Di-lân, kim ngạch hai chiều với Việt Nam trong 4 tháng đầu năm 2024 đạt 859 triệu NZD, giảm 2,7% so với cùng kỳ năm 2023, trong đó, kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam đạt 587,2 triệu NZD, tăng 15,3%, kim ngạch nhập khẩu từ Niu Di-lân đạt 271,8 triệu NZD, giảm 27,3%. Việt Nam là đối tác xuất khẩu lớn thứ 18 của Niu Di-lân và nhập khẩu xếp thứ 12 (đứng thứ 4 trong ASEAN).

### ***a) Việt Nam xuất khẩu sang Niu Di-lân***

Trong 4 tháng của năm 2024, nhu cầu nhập khẩu của Niu Di-lân có xu hướng tăng chủ yếu tập trung vào các ngành hàng liên quan đến xây dựng để thích nghi với nhu cầu chung và phát triển nhà ở mới. Tổng nhập khẩu từ Việt Nam của Niu Di-lân tăng 15,3% so với cùng kỳ năm 2023 đạt 587,2 triệu NZD, chiếm 2,1% thị phần nhập khẩu của Niu Di-lân.

**Bảng 2: Việt Nam xuất khẩu sang Niu Di-lân**

ĐVT: 1.000 NZD

STT	Mã và Mặt hàng	Việt Nam xuất khẩu sang Niu Di-lân				
		4 tháng 2023	4 tháng 2024	Tỉ trọng	Tăng trưởng	Thị phần
	<b>Tổng</b>	<b>509,328</b>	<b>587,205</b>	<b>100.0%</b>	<b>15.3%</b>	2.1%
1	03 thủy sản	5,516	6,733	1.1%	22.1%	9.4%
2	08 trái cây, hạt	12,379	14,333	1.0%	15.8%	8.3%
3	09 Trà, cà phê	3,932	6,003	1.0%	52.7%	8.5%
4	10-11 Tinh bột, Ngũ cốc	5,249	5,590	1.0%	6.5%	3.0%
5	16 Thịt, cá chế biến sẵn	3,594	4,343	0.7%	20.8%	5.5%
6	44 gỗ và sản phẩm gỗ	1,220	1,858	0.3%	52.3%	1.0%
7	19-20-21 các loại chế phẩm ăn được	5,818	6,852	1.2%	17.8%	0.9%
8	25-27-68 Vật liệu dùng cho xây dựng (đá, xi măng..)	1,877	2,522	0.4%	34.4%	0.1%
9	34 Các chất tẩy rửa bề mặt, các chế phẩm nha khoa	14,084	12,695	2.2%	-9.9%	7.7%
10	39 Nhựa và các sản phẩm từ nhựa	9,809	11,805	2.0%	20.3%	1.5%
11	40 Cao su và các sản phẩm từ cao su	4,814	5,604	1.0%	16.4%	2.2%
12	42 Sản phẩm bằng da	5,531	6,375	1.1%	15.3%	6.4%
13	48 giấy, các sản phẩm từ giấy và bìa các tông	6,411	3,887	0.7%	-39.4%	1.0%
14	60-61-62-63-64-65 Dệt may, các sản phẩm từ quần áo, giày dép và phụ kiện	94,320	96,171	16.4%	2.0%	8.9%
15	69 Sản phẩm gốm sứ	713	852	0.1%	19.5%	1.3%
16	72-73-82 Sắt, thép và các sản phẩm từ kim loại	8,613	5,858	1.0%	-32.0%	1.0%
17	94 Đồ nội thất và thiết bị chiếu sáng	25,719	15,122	2.6%	-41.2%	3.5%
18	95 Đồ chơi, dụng cụ thể thao và phụ kiện	4,847	5,753	1.0%	18.7%	2.7%
19	84-85 Máy móc, thiết bị điện và phụ kiện liên quan	260,672	298,462	50.8%	14.5%	5.6%
20	90 Dụng cụ và thiết bị y tế	9,490	12,582	2.1%	32.6%	1.4%
21	Các sản phẩm khác	24,720	63,808	10.9%	158.1%	0.5%

Nguồn: Cục Thống kê Niu Di-lân

Bảng 2 cho thấy, chỉ có 4 mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam sang Niu Di-lân 4 tháng đầu năm 2024 có kim ngạch giảm bao gồm các chất tẩy rửa bề mặt, chế phẩm nha khoa (9,9%), các sản phẩm giấy (39,4%) và sắt, thép (32%), đồ nội thất và thiết bị chiếu sáng (41,2%). Tất cả các mặt hàng còn lại đều có sự tăng trưởng trên 2 chữ số. Đặc biệt, các mặt hàng tăng trưởng ấn tượng nhất là: cao su và các sản phẩm gốm sứ, gỗ và sản phẩm gỗ (tăng 52,3%), trà – cà phê tăng 52,7%.

Xét về tỷ trọng, các mặt hàng xuất khẩu hàng đầu của Việt Nam vào Niu Di-lân gồm: máy móc, thiết bị điện tử (50,8%), Dệt may (16,4%).

Về thị phần trên từng loại hàng hóa nhập khẩu vào Niu Di-lân của Việt Nam, các mặt hàng lớn nhất gồm: trái cây, hạt (15,8%), thủy sản (9,4%); hàng dệt may (8,9%); thịt, cá chế biến sẵn (5,5%), máy móc, thiết bị điện tử (5,6%), trà, cà phê (8,5%).

#### **b) Việt Nam nhập khẩu từ Niu Di-lân**

Kim ngạch xuất khẩu của Niu Di-lân sang Việt Nam trong 4 tháng đầu năm 2024 đạt 271,8 triệu NZD, giảm 27,3% so với cùng kỳ năm 2023.

**Bảng 3: Việt Nam nhập khẩu từ Niu Di-lân***ĐVT: 1.000 NZD*

Việt Nam nhập khẩu từ New Zealand					
STT	Mã và Mặt hàng	4T/2023	4T/2024	Tỉ trọng	Tăng/Giảm
	<b>Tổng nhập khẩu</b>	<b>373,646</b>	<b>271,805</b>	<b>100.0%</b>	<b>-27.3%</b>
1	03 thủy sản	10,094	8,799	3.2%	-12.8%
2	04 bơ, sữa	242,312	123,573	45.5%	-49.0%
3	08 trái cây, hạt	54,963	57,213	21.0%	4.1%
4	15 Dầu và mỡ từ động vật, thực vật	788	1,747	0.6%	121.7%
5	19 chế phẩm từ ngũ cốc, bột, tinh bột, sữa	2,417	5,604	2.1%	131.9%
6	21 các loại chế phẩm ăn được	20,961	16,029	5.9%	-23.5%
7	23 Thức ăn gia súc	729	6,096	2.2%	736.2%
8	35 các chất chứa albumin; các dạng tinh bột biến tính; keo hồ; enzym	1,069	2,237	0.8%	
9	38 Các sản phẩm hóa dược	1,196	1,175	0.4%	-1.8%
10	39 Nhựa và các sản phẩm từ nhựa	1,040	1,422	0.5%	36.7%
11	41 da thuộc	3,601	4,627	1.7%	28.5%
12	44 gỗ và sản phẩm gỗ	16,378	18,369	6.8%	12.2%
13	47-48 giấy, các sản phẩm từ giấy và bìa các tông	6,342	9,259	3.4%	46.0%
14	72-73 sắt, thép	50	940	0.3%	1780.0%
15	76 Nhôm và các sản phẩm từ nhôm	1,486	1,683	0.6%	13.3%
16	84-85 Máy móc, thiết bị điện và phụ kiện liên quan	2,280	2,473	0.9%	8.5%
17	90 Dụng cụ và thiết bị y tế	140	76	0.0%	-45.7%
18	Các sản phẩm khác	7,800	10,483	3.9%	34.4%

*Nguồn: Cục Thống kê Niu Di-lân*

Xét về tỷ trọng, các mặt hàng Việt Nam nhập khẩu hàng đầu từ Niu Di-lân gồm: các sản phẩm bơ sữa (45,5%), trái cây, hạt (21%), gỗ và sản phẩm gỗ (6,8%), các chế phẩm ăn được (5,9%), thủy sản (3,2%).

Xét theo tốc độ tăng trưởng, các mặt hàng nhập khẩu từ Niu Di-lân có tốc độ tăng trưởng cao gồm: sắt thép (1.780%); Dầu và mỡ từ động thực vật (121,7%); Thức ăn gia súc (736,2%); Chế phẩm từ ngũ cốc, bột, tinh bột, sữa (132%). Mặt hàng sắt thép đặc biệt tăng mạnh, do cùng kỳ năm 2023, Việt Nam gần như không nhập khẩu mặt hàng này từ Niu Di-lân. Bên cạnh đó, các mặt hàng giảm mạnh bao gồm thiết bị y tế (45,7%), Bơ và sữa (49%).

## MỘT SỐ TIN CHÍNH

### XUẤT KHẨU KIWI ĐẠT KỶ LỤC

Những người nông dân trồng Kiwi tại Niu Di-lân đang có mùa bội thu khi ghi nhận xuất khẩu loại trái cây này lớn nhất từ trước đến nay. Zespri – doanh nghiệp xuất khẩu Kiwi lớn nhất đang trên đà đạt được mục tiêu phá kỷ lục doanh thu 4,5 tỷ NZD vào cuối mùa giải này - tăng từ mức 2,9 tỷ NZD vào năm 2021-22.

Sản lượng vụ này rất tốt và ngành sẽ xuất khẩu vụ mùa lớn nhất từ trước đến nay với 197 triệu thùng. Những người trồng kiwi xanh đang mong đợi lợi nhuận kỷ lục trên mỗi ha, đây



sẽ là tin đáng mừng sau một vài năm khó khăn khi nhiều người trồng phải vật lộn để hòa vốn. Dự báo lợi nhuận cho quả kiwi xanh là từ 80.000 đến 91.000 NZD mỗi ha. Lợi nhuận của giống kiwi vàng sinh lợi nhiều hơn sẽ không ở mức kỷ lục nhưng vẫn được dự báo sẽ đạt từ 143.000 đến 161.000 NZD.

## **NGƯỜI LAO ĐỘNG ĐỐI DIỆN VỚI SỰ CẠNH TRANH KHỐC LIỆT**

Người lao động tại Niu Di-lân phải đối mặt với nhiều sự cạnh tranh hơn trong nhiều năm trở lại đây. Dữ liệu của Ngân hàng ANZ về số lượng đơn xin việc ở mức tăng hơn 250% kể từ năm 2019. Đã có mức tăng đột biến vào năm 2020 khi đợt khóa Covid đầu tiên xảy ra, nhưng số đơn đăng ký sau đó đã giảm đi trước khi tăng nhanh chóng từ năm 2023.

Chuyên gia kinh tế cấp cao của ANZ Miles Workman cho rằng đó là bằng chứng cho thấy thị trường lao động đang trở nên yếu đi đáng kể, dù tỷ lệ thất nghiệp không tăng mạnh.

## **HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT GIẢM XUỐNG MỨC THẤP**

Hoạt động trong lĩnh vực sản xuất vẫn còn yếu do nhu cầu giảm dần của người tiêu dùng buộc các công ty phải thu hẹp quy mô sản xuất. Chỉ số sản xuất mới nhất của BNZ-Business New Zealand đã giảm 1,6 điểm trong tháng 5 xuống 47,2 - khiến lĩnh vực này suy giảm trong 15 tháng liên tiếp.

Nhu cầu đã giảm mạnh với số lượng đơn đặt hàng mới giảm trong 21 tháng suy giảm, lâu hơn so với thời kỳ khủng hoảng tài chính toàn cầu (GFC).

## **LOẠI BỎ THUẾ QUAN ĐỐI VỚI CÁC SẢN PHẨM LEN VÀ GỖ TRONG THỎA THUẬN THƯƠNG MẠI**

Bộ trưởng Thương mại và Nông nghiệp Todd McClay cho biết thuế quan đã được dỡ bỏ đối với hàng trăm sản phẩm len và gỗ trong một thỏa thuận thương mại “đột phá” với Costa Rica, Iceland và Thụy Sĩ. "Hiệp định về Biên đổi Khí hậu, Thương mại và Bền vững (ACCTS) mở ra cơ hội thương mại cho các doanh nghiệp New Zealand bằng cách tập trung vào thương mại hàng hóa và dịch vụ bền vững. Điều quan trọng đối với New Zealand là sẽ loại bỏ thuế quan đối với các mặt hàng xuất khẩu chính bao gồm 41 sản phẩm gỗ và len .

Hiệp định cũng sẽ loại bỏ thuế quan đối với hàng trăm sản phẩm khác, bao gồm sợi len, len xi để cách nhiệt, giấy tái chế cùng với các hàng hóa tiết kiệm năng lượng như đèn LED và pin sạc. Ngoài ra, nó hỗ trợ ngành năng lượng tái tạo của New Zealand bằng cách thiết lập các quy tắc ngăn chặn trợ cấp nhiên liệu hóa thạch có hại và đưa ra các hướng dẫn về dân nhân sinh thái. ACCTS sẽ mở ra thị trường mới cho các nhà xuất khẩu New Zealand và tăng lợi ích theo thời gian khi có nhiều quốc gia tham gia. Bộ trưởng Todd McClay cho biết, thỏa thuận thương mại này là thỏa thuận đầu tiên mà New Zealand ký kết với các quốc gia bên ngoài WTO.



## CHI PHÍ VẬN CHUYỂN TĂNG ĐỘ BIẾN

Sự gia tăng chi phí vận chuyển toàn cầu có thể gây ra tin xấu cho cuộc chiến chống lạm phát, với nguy cơ lãi suất có thể duy trì ở mức cao hơn trong thời gian dài. Chi phí vận chuyển đã tăng vọt và một số mức cước đã tăng gấp ba trong những tháng gần đây, với sự gián đoạn tại hai tuyến đường huyết mạch – Biển Đỏ và Kênh đào Panama. Biển Đỏ đã phải đối mặt với tình trạng gián đoạn do các cuộc tấn công vào tàu bè của phiến quân Houthi ở Yemen, trong khi Kênh đào Panama phải đối mặt với mực nước thấp.

Nhà kinh tế cấp cao Mark Smith của ASB cho biết tác động lên lạm phát sẽ phụ thuộc vào thời gian duy trì chi phí vận chuyển. Ông cho biết nhu cầu yếu đồng nghĩa với việc tác động lạm phát sẽ thấp hơn cuộc khủng hoảng chuỗi cung ứng Covid-19 từ năm 2021-23. Tuy nhiên, ông cho biết điều đáng lo ngại là nếu chi phí vận chuyển tiếp tục tăng gần đây, nó có thể làm giảm khả năng lạm phát xuống dưới 3% vào cuối năm nay. Điều đó có nghĩa là lãi suất có thể duy trì ở mức cao lâu hơn. Smith nói: “Đó là một rủi ro tiềm ẩn nếu việc tăng chi phí vận chuyển dẫn đến lạm phát gia tăng nói chung. Đó chắc chắn là trường hợp - đó là một rủi ro”. “Tuy nhiên, quan điểm của chúng tôi là môi trường nhu cầu tiêu dùng hiện nay yếu và chúng tôi không nghĩ điều này sẽ có tác động chung đến lạm phát.”

Smith cho biết Ngân hàng Dự trữ (RBNZ) biết rằng những cú sốc giá như vậy sẽ tạm thời làm tăng lạm phát nhưng cũng khiến người dân trở nên tồi tệ hơn, nghèo hơn và sẽ đè nặng lên hoạt động kinh tế.

Ông nói: “Vận chuyển hàng hóa chỉ là một trong những chi phí ảnh hưởng đến giá tiêu dùng và lợi nhuận của công ty. Áp lực chi phí lao động – thường chiếm một phần lớn hơn trong chi phí của công ty – có vẻ đang hạ nhiệt”.

Smith cho biết động thái tiếp theo của RBNZ sẽ là cắt giảm lãi suất và ASB vẫn giữ nguyên dự báo về việc cắt giảm lãi suất vào tháng 2 năm 2025.

ASB tiếp tục dự báo lạm phát ở New Zealand sẽ giảm xuống dưới 3% trong năm nay bất chấp rủi ro tăng giá từ chi phí vận chuyển.

## GIÁ SỮA TOÀN CẦU GIẢM XUỐNG MỨC THẤP

Giá sữa giảm mạnh nhất trong gần 1 năm. Giá trung bình tại phiên đấu giá mới nhất đã giảm 6,9% xuống còn 3782 USD/tấn và theo sau mức giảm 0,5% trong phiên đấu giá trước đó hai tuần.

Đây là mức giảm lớn nhất kể từ tháng 8 năm ngoái và đẩy giá xuống mức thấp nhất trong gần 3 tháng. Nhà phân tích sữa Rosalind Crickett của NZX cho biết sự sụt giảm này có thể xảy ra vì nhiều lý do. "Có những yếu tố giảm giá xuất hiện trước phiên đấu giá, với lượng sản phẩm sẵn có nhiều hơn, nhận thức về sự không chắc chắn của thị trường do các nhà giao dịch báo cáo và dự đoán giá sẽ giảm trên thị trường phái sinh SGX-NZX đối với các sản phẩm tham khảo chính của Fonterra."

Giá bột sữa nguyên chất, vốn ảnh hưởng mạnh đến thu nhập của nông dân địa phương, đã giảm 4,3% xuống còn 3.218 USD/tấn.

Giá của các sản phẩm khác đều yếu hơn với giá bơ và các chất béo khác giảm hơn 10%, phô mai cheddar giảm 7% và sữa bột gầy giảm 6,1%.

Crickett cho biết: “Mùa sản xuất mới có nghĩa là nguồn cung sản phẩm sẽ dồi dào hơn trong thời gian dài hơn, giảm bớt các hạn chế về hàng tồn kho - gây áp lực giảm giá. Điều đó cho thấy, những mức giá này vẫn cao hơn mức tháng Giêng”.

## TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG TRONG DI CƯ VÀ NHẬP CƯ

Lượng người di cư đến Niu Di-lân tăng 25% trong năm qua, mặc dù số lượng người rời bỏ đất nước đã tăng gần một phần ba. Kết quả tạm tính của Cục Thống kê Niu Di-lân ước tính có 130.600 người đã di cư tính đến tháng 4/2024, mức cao kỷ lục trong 12 tháng.

Có 56.000 công dân Niu Di-lân rời đi trong năm tính đến tháng 4, một kỷ lục của quốc gia này, vượt kỷ lục trước đó là 44.400 vào tháng 2 năm 2012.

Công dân Ấn Độ chiếm nhóm người nhập cư lớn nhất, tiếp theo là công dân Philippines và Trung Quốc.

## CHÍNH SÁCH VÀ QUY ĐỊNH

### TIÊU CHUẨN NHẬP KHẨU CÁC LOẠI HẠT KHÔ VÀ/HOẶC ĐÃ QUA CHẾ BIẾN

Các doanh nghiệp có thể nghiên cứu bản gốc tiêu chuẩn tại địa chỉ: <https://www.biosecurity.govt.nz/dmsdocument/1663-stored-plant-products-for-human-consumption-spp-human-ihs-import-health-standard>.

#### Phần 1: Yêu cầu

##### *Phạm vi áp dụng*

- IHS này chỉ áp dụng cho việc nhập khẩu các loại hạt khô và/hoặc đã qua chế biến (kể cả đông lạnh) làm thực phẩm cho con người.

##### *Kiểm tra an toàn sinh học*

- Ngay khi hàng hóa cập cảng Niu Di-lân, các chứng từ kèm theo lô hàng sẽ được kiểm tra tại cảng đến.

- Cán bộ kiểm dịch cũng có thể kiểm tra lô hàng hoặc mẫu hàng hóa.

- Hàng hóa không tuân thủ yêu cầu trong IHS có thể không được thông quan vào Niu Di-lân và có thể được yêu cầu xử lý thêm, trả lại nước xuất khẩu, tiêu hủy hoặc các biện pháp khác được Giám đốc Kỹ thuật coi là phù hợp.

- Việc vận chuyển hàng hóa cũng có thể bị đình chỉ nếu phát hiện một số loại sinh vật gây hại hoặc hạt giống cỏ thuộc diện phải kiểm soát.

- Nhà nhập khẩu phải chịu mọi chi phí liên quan.

## **Phần 2: Các yêu cầu trước khi vận chuyển hàng hóa**

### *Giấy tờ cần thiết*

- Các loại giấy tờ nên được viết bằng tiếng Anh. Đối với các giấy tờ bằng ngôn ngữ khác, nếu cán bộ kiểm dịch không thể xác định liệu hàng hóa có đáp ứng các yêu cầu nhập khẩu vào Niu Di-lân hay không, MPI bảo lưu quyền yêu cầu nhà nhập khẩu bổ sung bản dịch do cơ quan có thẩm quyền cấp.
- Giấy phép nhập khẩu: Không bắt buộc, trừ hàng hóa nhập khẩu theo quy định tại Phần 3.8 của IHS này.
- Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật: Nhà nhập khẩu phải trình giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật (bản gốc) theo quy định tại Phần 4 và 5 của IHS này do cơ quan có thẩm quyền của nước xuất khẩu (trường hợp này là Cục Bảo vệ thực vật) cấp.
- Giấy tờ khác: ngoài giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật, hàng hóa phải kèm theo các giấy tờ khác như vận đơn, hóa đơn hàng không, ngoài các quy định tại Phần 3.2.
- Giấy chứng nhận của nhà sản xuất phải được in trên tiêu đề thư có tên công ty (letterhead), được ký bởi người đại diện có thẩm quyền và có các nội dung như: i) chữ ký, chức danh, ngày ký; ii) tên và địa chỉ nhà cung cấp (nếu khác với nhà sản xuất); iii) mô tả sản phẩm hoặc thương hiệu; iv) thông tin về quy trình chế biến; v) ngày sản xuất.

### *Kiểm tra lô hàng trước khi vận chuyển*

- Đối với hàng hóa bắt buộc phải có giấy chứng nhận SPS, Cục Bảo vệ thực vật phải kiểm tra xem hàng hóa có sinh vật gây hại thuộc diện kiểm soát hay không.
- Nếu có sinh vật gây hại thuộc diện phải kiểm soát, lô hàng phải bị từ chối xuất khẩu sang Niu Di-lân hoặc phải được xử lý loại bỏ sinh vật gây hại trước khi xuất khẩu.
- Cục Bảo vệ thực vật chỉ được cấp giấy chứng nhận SPS sau khi xác nhận biện pháp xử lý sinh vật gây hại có hiệu quả.

### *Xét nghiệm lô hàng trước khi vận chuyển*

- Đối với hàng hóa bắt buộc phải có giấy chứng nhận SPS, Cục Bảo vệ thực vật phải đảm bảo rằng biện pháp xử lý sinh vật gây hại có hiệu quả. Hàng hóa phải được xét nghiệm nhằm phát hiện các loại hạt có khả năng sinh trưởng tại một phòng thí nghiệm được Hiệp hội xét nghiệm hạt giống quốc tế công nhận.
- Nếu phát hiện các loại hạt có khả năng sinh trưởng, lô hàng phải bị từ chối xuất khẩu sang Niu Di-lân hoặc phải được xử lý loại bỏ hạt giống trước khi xuất khẩu.

### *Các yêu cầu về xử lý hàng hóa trước khi vận chuyển*

- Nói chung, việc xét nghiệm để phát hiện sinh vật gây hại đối với các hàng hóa thuộc phạm vi điều chỉnh của IHS này là không bắt buộc. Trường hợp được yêu cầu, hàng hóa cần có giấy chứng nhận SPS với các khai báo bổ sung phù hợp nếu việc xử lý sinh vật gây hại được thực hiện trước khi xuất khẩu.

### *Đóng gói và dán nhãn hàng hóa*

- Bao bì đóng gói phải sạch sẽ, không dính đất và các chất ô nhiễm khác.

- Nhãn hàng hóa nên bằng tiếng Anh và không bị rách để cán bộ kiểm dịch dễ dàng nhận diện.

#### *Yêu cầu về quá cảnh*

- Tất cả hàng hóa phải được đóng gói và vận chuyển phù hợp để đề phòng việc phá hoại và/hoặc bị nhiễm sinh vật gây hại sau khi sản xuất/xử lý.
- Không được mở bao bì trên đường quá cảnh
- Đối với hàng hóa bắt buộc phải có giấy chứng nhận SPS, trong quá trình quá cảnh và nằm dưới sự kiểm soát trực tiếp của Cục Bảo vệ thực vật nước quá cảnh, nếu được lưu kho, chia tách hoặc thay đổi bao bì tại nước quá cảnh trên đường đến Niu Di-lân, hàng hóa phải được cấp thêm “giấy chứng nhận tái xuất khẩu” ngoài giấy chứng nhận SPS ban đầu.
- Không cần giấy chứng nhận tái xuất khẩu trong trường hợp hàng hóa bị giữ lại để thay đổi phương tiện vận chuyển và vẫn nằm trong công-ten-nơ band đầu.

### **Phần 3: Các yêu cầu khi cập cảng**

- Các hàng hóa thuộc diện rủi ro phải được cán bộ kiểm dịch thực hiện thông quan, trả lại nước xuất khẩu hoặc tiêu hủy. Nhà nhập khẩu có trách nhiệm khai báo hàng hóa thuộc diện rủi ro tới cán bộ kiểm dịch.
- Hàng hóa chưa được thông quan phải nằm dưới sự kiểm soát của MPI và không được di chuyển hoặc tác động nếu không được cho phép.
- Các chi phí lấy mẫu, kiểm tra, xử lý, vận chuyển, kiểm dịch, trả lại nước xuất khẩu... do nhà nhập khẩu chịu.

#### *Kiểm tra khi cập cảng*

- Đối với hàng hóa thuộc diện phải kiểm tra theo quy định tại Phần 4 và 5, các lô hàng sẽ được kiểm tra và/hoặc xét nghiệm ngẫu nhiên để đảm bảo lô hàng đảm bảo điều kiện thông quan.
- Hàng hóa không thuộc diện kiểm tra thông thường sẽ không bị kiểm tra nếu đáp ứng các yêu cầu trong phần 1.3.

#### *Kiểm tra*

- Cán bộ kiểm dịch sẽ kiểm tra hàng hóa để phát hiện sinh vật gây hại, đất hoặc các chất lẫn dễ thấy khác.

#### *Lấy mẫu*

- Nếu hàng hóa thuộc diện phải kiểm tra, mỗi lô trong cả chuyến hàng đều phải lấy mẫu. Một mẫu tối thiểu là 5kg/chuyến hàng. Nếu cả chuyến hàng ít hơn 5kg thì tất cả hàng hóa đều phải kiểm tra.

#### *Phát hiện sinh vật gây hại và các chất lẫn*

- Trường hợp phát hiện sinh vật sống, nhà nhập khẩu có thể được quyền xác định xem sinh vật đó có phải sinh vật gây hại thuộc diện phải kiểm soát không. Nếu có, hàng hóa phải được

xử lý, trả lại nước xuất khẩu hoặc tiêu hủy theo yêu cầu của MPI. Hàng hóa có thể được cho thông quan nếu sinh vật gây hại được phát hiện không thuộc diện phải kiểm soát.

*Mức độ chấp nhận được đối với các hạt giống lẫn*

- Đối với hàng hóa được xử lý nhiệt hoặc chế biến ở các trạm trung chuyển tại Niu Di-lân, các loại hạt lẫn phải được nêu trong giấy chứng nhận phân tích hạt. Hàng hóa thuộc diện này không phải xử lý thêm vì quy trình xử lý hoặc chế biến tại các trạm trung chuyển sẽ làm các loại hạt này mất khả năng sinh trưởng.
- Đối với các hàng hóa cần kiểm tra an toàn sinh học khi cập cảng, dung sai đối với hạt lẫn tối đa là 0,1% trọng lượng. Giống và số lượng hạt lẫn phải được mô tả trong giấy chứng nhận phân tích hạt hoặc được cán bộ kiểm dịch của MPI xác định thông qua kiểm tra mẫu khi cập cảng.

- Các hàng hóa cần kiểm tra an toàn sinh học khi cập cảng không được phép có các hạt lẫn thuộc các giống liệt kê trong danh mục Hạt giống cỏ thuộc diện kiểm soát (Phần 1.5.2) trong IHS: Importation of Grains/Seeds for consumption, feed or processing hoặc thuộc các giống “Cấm nhập khẩu) hoặc liệt kê trong Danh mục An toàn sinh học Thực vật (PBI).

- Khi lô hàng có mức độ hạt lẫn cao hơn dung sai cho phép, MPI sẽ cho nhà nhập khẩu một số lựa chọn như: loại bỏ các hạt lẫn, xử lý để hạt giống không thể sinh trưởng, trả lại nước xuất khẩu hoặc tiêu hủy hàng hóa.

**Phần 4: Điều kiện nhập khẩu đối với các loại hạt, tảo hoặc nấm không sản xuất thương mại.** Đề nghị tham khảo chi tiết tại IHS gốc.

**Phần 5: Điều kiện nhập khẩu đối với các loại hạt, tảo hoặc nấm được sản xuất thương mại**

*Thực phẩm đóng hộp đã nấu hoặc bảo quản có nguồn gốc thực vật, tảo hoặc nấm*

- Không có yêu cầu về giấy chứng nhận hoặc kiểm tra hàng hóa
- Các sản phẩm có nguồn gốc thực vật có chứa sản phẩm động vật phải đáp ứng cả các yêu cầu nhập khẩu đối với các sản phẩm động vật đó (ví dụ thịt, trứng, sữa).

*Thực phẩm đã nấu, quay, chần, nướng hoặc bảo quản có nguồn gốc thực vật, tảo hoặc nấm*

- Không có yêu cầu về giấy chứng nhận hoặc kiểm tra đối với thực phẩm có nguồn gốc thực vật, tảo, nấm được sản xuất thương mại đã được nấu (quay, hầm, chần hoặc nướng) hoặc các loại trái cây và rau được bảo quản/ngâm giấm, được bảo quản trong dung dịch nước muối, a-xít, rượu, dầu hoặc xi rô.
- Hàng hóa nên có giấy chứng nhận hoặc tuyên bố của nhà sản xuất.

*Ngũ cốc, sản phẩm ngũ cốc và hạt sấy*

- Các loại ngũ cốc, sản phẩm ngũ cốc và hạt sấy có yêu cầu riêng đối với từng loại. Các doanh nghiệp có thể tham khảo danh sách trong IHS gốc.

*Các loại thảo mộc, gia vị, rễ, củ sấy khô và đồ uống*

- Không có yêu cầu về giấy chứng nhận hoặc kiểm tra đối với các hàng hóa được sản xuất thương mại và là: i) gia vị nghiền; ii) thảo mộc nghiền, đã vò nát hoặc thái nhỏ.

- Các loại thảo mộc, gia vị khô không nghiền, đồ uống có các yêu cầu riêng với từng loại. Các doanh nghiệp có thể tham khảo danh sách trong IHS gốc.

#### *Trái cây và rau củ tươi*

- Xem quy định tại IHS về trái cây và rau củ tươi.

#### *Trái cây và rau củ tươi bóc vỏ, thái, cắt khúc*

- Xem quy định tại IHS về trái cây và rau củ tươi.

#### *Hàng hóa tươi đã chế biến*

- Chỉ dành riêng cho một số thương hiệu được MPI phê duyệt theo công bố trên website của MPI.

#### *Trái cây và rau củ sấy*

- Không có yêu cầu về giấy chứng nhận hoặc kiểm tra đối với các loại trái cây và rau củ sấy khô, sấy lạnh được sản xuất thương mại và được liệt kê trong Danh mục An toàn sinh học Thực vật (PBI) như đề cập ở trên, trừ các loại có hạt thuộc diện hạt cấm nhập khẩu.

#### *Trái cây và rau củ ngâm giấm*

- Không có yêu cầu về giấy chứng nhận hoặc kiểm tra đối với các sản phẩm sản xuất thương mại.

#### *Trái cây và rau củ bọc đường, ngâm đường, ướp muối, ngâm muối hoặc xi rô*

- Không có yêu cầu về giấy chứng nhận hoặc kiểm tra đối với các sản phẩm sản xuất thương mại.

#### *Trái cây và rau củ dạng nước ép, nghiền, chất lỏng*

- Không có yêu cầu về giấy chứng nhận hoặc kiểm tra đối với các sản phẩm sản xuất thương mại.

#### *Trái cây và rau củ đã nấu*

- Xem quy định tại phần 5.2 thực phẩm đã nấu

#### *Trái cây và rau củ đông lạnh*

- Không có yêu cầu về giấy chứng nhận hoặc kiểm tra đối với các sản phẩm sản xuất thương mại, trừ các loại sau:

- + Rong biển ăn được đông lạnh;
- + Lá của các loại cam quýt đông lạnh;
- + Nấm ăn được đông lạnh;
- + Các loài không nằm trong danh mục PBI hoặc bị cấm nhập khẩu; nếu lẫn các loại hạt hoặc vật chất có thể lây lan khác.
- Hoa ly bóc vỏ, đông lạnh có thể được nhập khẩu.

- Trường hợp cán bộ kiểm dịch tin rằng hàng hóa được sản xuất thương mại nhưng không dán nhãn, hàng hóa đó vẫn được cấp chứng nhận thông quan an toàn sinh học nếu quy trình đông lạnh có thể được kiểm chứng phù hợp các điều kiện sau:

- Đối với vật chủ của loài ruồi không ăn trái cây, sản phẩm phải được đông lạnh đến nhiệt độ tâm sản phẩm đạt  $-10^{\circ}\text{C}$  hoặc thấp hơn trong tối thiểu 7 ngày.

- Đối với vật chủ của loài ruồi ăn trái cây, sản phẩm phải được đông lạnh đến nhiệt độ tâm sản phẩm đạt  $-18^{\circ}\text{C}$  hoặc thấp hơn trong tối thiểu 7 ngày.

#### *Rong biển đông lạnh*

- Rong biển đông lạnh có thể không được phép nhập khẩu trừ khi được chế biến bổ sung để đảm bảo rong biển không sinh trưởng được theo một trong các cách sau:

+ Luộc ở  $90^{\circ}\text{C}$  trong ít nhất 30 phút sau đó đông lạnh tới  $-18^{\circ}\text{C}$ ;

+ Chần ở  $90^{\circ}\text{C}$  trong ít nhất 1 phút sau đó ngâm trong giấm và làm lạnh tới  $-18^{\circ}\text{C}$ ;

+ Cầm nóng đến  $75^{\circ}\text{C}$  trong 15 phút sau đó ướp với nước sốt gia vị và làm lạnh tới  $-18^{\circ}\text{C}$ ;

+ Nướng các lát mỏng (tối đa  $0,05\text{mm}$ ) ở  $300^{\circ}\text{C}$  trên đĩa nướng, sấy khô, nêm gia vị, cắt và làm lạnh tới  $-18^{\circ}\text{C}$ .

- Tất cả các hàng hóa phải đi kèm với giấy chứng nhận hoặc tuyên bố của nhà sản xuất.

#### *Nấm sấy*

- Không có yêu cầu về giấy chứng nhận hoặc kiểm tra đối với nấm sấy sản xuất thương mại nếu được nhập khẩu kèm theo vận đơn hoặc vận đơn hàng không, trừ các loại sau:

+ Lô hàng nấm cục phải dán nhãn là nấm cục và tuân thủ yêu cầu trong ghi chú bên dưới;

+ Lô hàng nấm linh chi nguyên chất phải được dán nhãn là nấm linh chi và tuân thủ yêu cầu trong ghi chú bên dưới;

+ Lô hàng nấm gỗ phải được xử lý nhiệt theo mục 3.7.

- Tất cả các lô hàng nấm sấy khác phải được kiểm tra sinh vật gây hại và các chất lẫn.

#### *Ghi chú:*

- Nấm cục có thể sinh trưởng bị cấm nhập khẩu.

- Tất cả các lô hàng nấm cục không phải loại nấu súp đều phải dán nhãn.

- Các lô hàng dán nhãn nấm cục sẽ phải xét nghiệm để phát hiện các vật chất có khả năng sinh trưởng.

- Hàng hóa nghi là nấm cục hoặc nấm sấy không khô hoàn toàn sẽ bị tạm giữ và nhà nhập khẩu phải thực hiện xét nghiệm phát hiện vật chất có thể sinh trưởng, xử lý nhiệt hoặc trả lại nước xuất khẩu.

#### *Nấm đông lạnh*

- Các loại nấm ăn được (đông lạnh) sau đây có thể được nhập khẩu: *Agaricus bisporus*, *Boletus edulis*, *Cantharellus cibarius*, *Craterellus cornucopioides*, *Lentinula edodes*, *Marasmius oreades*, *Morchella conica* và *Morchella esculentus*.



- Các loại nấm này phải được đông lạnh thương mại và phải kèm theo giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật với tuyên bố bổ sung như sau:

- “Loại nấm [tên khoa học] trong lô hàng này đã được làm đông lạnh thương mại và giữ ở nhiệt độ tối thiểu -18°C trong 7 ngày trước khi giao hàng” kèm theo giấy chứng nhận của nhà sản xuất có chữ ký của người có thẩm quyền trong công ty, nêu rõ tên và địa chỉ của nhà sản xuất, thông tin chính xác về quá trình chế biến và ngày chế biến.

#### *Các loại đậu (đỗ)*

- Danh sách chi tiết các loại đậu và yêu cầu với từng loại được nêu tại mục 5.7 của IHS gốc.

#### *Các loại hạt*

- Danh sách chi tiết các loại hạt và yêu cầu với từng loại được nêu tại mục 5.8 của IHS gốc.

#### *Dầu thực vật và dầu thực vật thể rắn đã chế biến*

- Không có yêu cầu về giấy chứng nhận hoặc kiểm tra đối với sản phẩm được chế biến và đóng gói thương mại, trừ trường hợp Stearin dầu cọ hydro hóa phải kiểm tra.

#### *Chiết xuất thực vật, tảo và nấm*

- Không có yêu cầu về giấy chứng nhận hoặc kiểm tra đối với chiết xuất thực vật, tảo, nấm được sản xuất thương mại dưới dạng viên nang, viên nén, bột, hồ, chất lỏng và xi rô có thể bảo quản ở nhiệt độ phòng (shelf-stable) và không lẫn sinh vật có khả năng sinh trưởng.

#### *Phấn hoa*

- Phấn hoa thông không được phép nhập khẩu

- Phấn do ong thu thập được quy định tại IHS: Sản phẩm từ ong

- Phấn không do ong thu thập phải được sản xuất thương mại thành viên nang hoặc viên nén.

### **THƯƠNG VỤ VIỆT NAM TẠI NIU DI-LÂN**

Điện thoại/Fax: + 64 4 8033 775

Email: nz@moit.gov.vn

Địa chỉ: Level 2, 90- 92 Dixon Street, Te Aro, Wellington

Hòm thư: PO Box 11095, Manners Street, Wellington 6142